

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HSCTN-ST
Ngày 13 - 5 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Đình Phùng | - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí |
| 2. Ông Huỳnh Kính | - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí |
| 3. Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng | - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí |

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Trà – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự chưa thành niên thụ lý số: 05/2025/TLST-HSCTN ngày 17 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Long N, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2008 tại huyện H, tỉnh Bình Định (tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo 15 năm 10 tháng 03 ngày tuổi); nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T, sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1979; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 19/9/2023, bị Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi cùng đồng bọn “Sử dụng hung khí, bom xăng tự chế gây rối trật tự công cộng”; chấp hành xong vào ngày 20/12/2023.

- Ngày 02/11/2023, bị Công an huyện H, tỉnh Bình Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Nhân thân:

- Ngày 14/5/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định ra Quyết định số 01/2024/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian chấp hành là 15 tháng. Do Trịnh Long N bị bắt trong thời gian đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính này nên Trường G Bộ C2 đã ra Quyết định gia hạn tạm đình chỉ thi hành Quyết định đưa vào trường G.

- Ngày 16/12/2024, bị Công an huyện H, tỉnh Bình Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/6/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Bá Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2007 tại huyện H, tỉnh Bình Định (tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo 16 năm 07 tháng 09 ngày tuổi); nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1984; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 13/9/2023, bị Ủy ban nhân dân xã A1, huyện H, tỉnh Bình Định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi cùng đồng bọn “Sử dụng hung khí, bom xăng tự chế gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong vào ngày 13/12/2023; nhân thân: Ngày 12/4/2023, bị Công an huyện H, tỉnh Bình Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ hoặc công cụ, đồ vật, phương tiện khác có khả năng sát thương”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/6/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2006 tại huyện H, tỉnh Bình Định (tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo 17 năm 02 tháng 29 ngày tuổi); nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm: 1980 và bà Nguyễn Ngọc Kim N1, sinh năm: 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/6/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2005 tại huyện H, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm: 1976 và bà Lâm Thị Đ2, sinh năm: 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/3/2024, bị Công an huyện H, tỉnh Bình Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 4.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người vũ khí thô sơ và các loại công cụ khác nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác”, chấp hành

xong vào ngày 11/7/2024; nhân thân: Ngày 01/4/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/6/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Đặng Văn T3, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1998 tại huyện H, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn C, sinh năm: 1975 và bà Hồ Thị T4, sinh năm: 1972; vợ: Đỗ Thị N2, sinh năm 2002 (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019 và nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Trọng N3, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1997 tại huyện H, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần H1, sinh năm: 1975 và bà Đỗ Thị C1, sinh năm: 1977; vợ: Thái Thị Hồng Đ3, sinh năm: 2000; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2020 và nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

1. Ông Trịnh Văn T, sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1979; đồng cư trú tại: Thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định là cha mẹ của bị cáo Trịnh Long N. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1984; cư trú tại: Tổ dân phố N, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là mẹ của bị cáo Nguyễn Bá Đ. (Có mặt)

3. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm: 1980 và bà Nguyễn Ngọc Kim N1, sinh năm: 1980; cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định là cha mẹ của bị cáo Nguyễn Xuân T1. (Có mặt)

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Bà Nguyễn Thị Yến N4 – Luật sư đang hoạt động tại Công ty L1; địa chỉ: Số E đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Trịnh Long N. (Có mặt)

2. Ông Phạm Minh V là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; địa chỉ: Số A đường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; bào chữa cho các bị cáo Trịnh Long N và Nguyễn Xuân T1. (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Xuân D1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; địa chỉ: Số A đường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá Đ. (Có mặt)

4. Ông Phan Hồng S – Luật sư đang hoạt động tại Văn phòng Luật sư Triết và Cộng sự; địa chỉ: Số A đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ1. (Có mặt)

- Bị hại: Đặng Văn T3, sinh năm: 1998; cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (là bị cáo trong vụ án) (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Diệp Anh T5, sinh năm 2000; cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

2. Trần Khánh H2, sinh năm 1997; cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

3. Lê Cảnh T6, sinh năm 2001; cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

4. Lê Thành D2, sinh năm 2006; cư trú tại: Thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

5. Võ Trần L, sinh năm 1998; cư trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 19/01/2024, Đặng Văn T3 cùng với Trần Trọng N3, Diệp Anh T5 (sinh năm 2000; cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định), Trần Khánh H2 (sinh năm 1997; cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện H) nhậu tại quán “Yến Nhi” thuộc thôn K, xã A, huyện H. Tại đây, T3 gọi điện, nhắn tin qua lại với Trịnh Long N và xảy ra mâu thuẫn, rồi cả hai cùng hẹn gặp nhau tại sân vận động A2 thuộc xã A, huyện H để giải quyết mâu thuẫn.

Cùng lúc này, N đang chơi game tại nhà của Lê Cảnh T6 (sinh năm 2001; cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện H) cùng với T6, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Văn Đ1, Lê Thành D2 (sinh năm 2006; cư trú tại: Thôn V, xã A, huyện H). Sau khi hẹn đánh nhau với T3, N bảo Đ đi lấy hung khí để đánh nhau với T3; đồng thời, N rủ Đ1 đi đánh nhau với T3 thì Đại đồng ý tham gia; còn T1 khi biết được mâu thuẫn giữa N và T3 thì T1 cũng tự ý tham gia giúp N đánh T3 (riêng D2 và T6 lúc này cũng đang ngồi chơi game nhưng N không rủ cùng tham gia đi đánh nhau). Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô đi đến cầu B ở thôn H, xã A, huyện H lấy 02 cây phăng phát bờ (do Đ cất giấu trước đó) rồi quay trở lại để 02 cây phăng ở gần gốc cây vú sữa trước nhà của T6. Lúc này, N, Đ, T1, Đ1 tiếp tục ngồi chơi game để chờ T3 và đồng thời, N cũng gọi điện thoại cho Võ Trần L (thường gọi là B, sinh năm 1998; cư trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện H - là cậu bà con của N) nhờ đến nói chuyện với T3 để giảng hòa tại sân vận động A2 thì L đồng ý.

Sau khi hẹn đánh nhau với N, T3 điều khiển xe mô tô hiệu SH màu trắng đi lên hướng khu vực ngã ba K thuộc xã A, huyện H được một lúc rồi quay trở lại quán nhậu và cầm theo 01 cây kiếm tự chế, T3 đưa cây kiếm cho N3 cầm để đi đánh nhau với nhóm N. Lúc này, T5 khuyên can T3 không đi đánh nhau nhưng T3 không nghe, còn H2 không nói gì. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, T3 điều

khởi xe mô tô SH chở N3 cầm theo cây kiếm tự chế đến khu vực sân vận động Â2 dừng xe lại trên đường bê tông để chờ nhóm của N đến đánh nhau. Tại đây, T3 lấy trong áo khoác 01 con dao Thái Lan; còn Nhớ để cây kiếm dưới bánh xe SH của T3 thì T3 nhặt cây kiếm lên, một tay T3 cầm kiếm và một tay cầm dao Thái Lan. Thấy N chưa đến nên T3 gọi điện thoại cho N nói: “*Tao ở sân banh đây mày xuống đi*”, N nghe máy và nói: “*Anh chờ em xíu*”. Khoảng 01-02 phút sau, L điều khiển xe mô tô SH đến khu vực sân vận động Â2 và đứng nói chuyện với T3 trên đường bê tông. Cùng lúc này, N bảo T1 điều khiển xe chở N ngồi giữa và Đ ngồi sau mỗi người cầm 01 cây phảng phát bờ chạy từ nhà của T6 xuống sân vận động Â2 để đánh nhau với T3; còn Nguyễn Văn Đ1 cũng chạy bộ theo sau nhóm của T3 đến sân vận động. Khi nhóm của N đến nhìn thấy T3 một tay cầm dao Thái Lan, tay còn lại cầm kiếm thì N và Đ nhảy xuống xe (mỗi người cầm 01 cây phảng phát bờ) chạy bộ đến rượt đuổi chém T3, thấy vậy T3 bỏ chạy vào bãi cỏ sân vận động; còn T1 cũng xuống xe đuổi theo sau N và Đ để tham gia đánh T3. Khi N và Đ đuổi theo kịp đã dùng phảng chém trúng lưng của T3 01-02 cái (mỗi người chém 01-02 cái), nhưng Tân mặc áo khoác dày nên không bị thương tích gì. T3 bị N, Đ chém trúng lưng té ngã và làm rơi cây kiếm thì T1 chạy đến nhặt cây kiếm này lên. Sau đó, N và Đ dừng lại không chém T3 nữa nên T3 đi bộ vào lại đường bê tông; N và Đ cầm phảng phát bờ, T1 cầm cây kiếm tự chế đi theo phía sau T3. Lúc này, T3 quay ra nói với nhóm N: “*Đ.M lũ bay nhớ mặt tao*”; nghe vậy N bực tức cầm phảng và Đ cầm phảng, T1 cầm kiếm xông đến rượt chém T3 nhưng chưa chém được. Khi thấy N, Đ, Thành rượt chém T3 trên đường bê tông thì Đ1 cũng vừa chạy bộ đến nhặt 01 cây gỗ keo ở bên đường, rồi xông đến đánh 01 cái trúng vào chân phải của T3 nhưng không gây thương tích gì; T3 chạy ngược lại về hướng N, Đ, T1 thì bị N, Đ, Thành vây đánh. T1 cầm kiếm xông đến chém mạnh 01 cái vào người T3 nhưng không trúng; T3 đi lùi về phía sau thì bị Đ cầm phảng chém 01 cái từ trên xuống hướng vào vùng đầu của T3 nhưng T3 đưa tay phải lên đỡ nên bị chém trúng tay phải gây thương tích. Lúc này, N cầm phảng chém mạnh 01 cái từ trên xuống trúng vào vùng đầu T3, làm T3 ngã ngửa ra đường. Thấy vậy, T1 cũng cầm kiếm xông đến chém 01 cái trúng vào vùng bụng của T3 nhưng do Tân mặc áo khoác dày nên không bị thương tích. Thấy T3 ngã nằm ra đường nên nhóm của N lên xe bỏ đi, trước khi bỏ đi T1 ném cây kiếm tự chế lại tại hiện trường; còn N và Đ đem 02 cây phảng phát bờ giấu dưới đường mương tại cánh đồng gần nhà của T6 (02 cây phảng phát bờ đã bị Cơ quan điều tra thu giữ; riêng cây kiếm tự chế và con dao Thái Lan của T3 thì Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được). Còn T3 được T5, N3 đưa đến Bệnh viện Đ4, thị xã H cấp cứu, rồi sau đó được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B để cấp cứu và điều trị đến ngày 03/02/2024 xuất viện. Trong quá trình đánh, chém nhau thì hai bên chửi thề, la lớn gây ồn ào mất trật tự; riêng Trần Trọng N3 cầm kiếm đến hỗ trợ giúp cho T3 đánh chém nhóm của N, nhưng thấy nhóm của N đông người, lại cầm phảng phát bờ và nhóm của N bất ngờ xông đến rượt chém T3 nên N3 chưa kịp tham gia đánh nhau; còn Võ Trần L đi xe SH đến nói chuyện với T3 và Diệp Anh T5 đi xe ô tô đến sau không tham gia đánh nhau mà cả hai can ngăn nhóm của N không cho chém T3.

Ngày 25/01/2024, Ủy ban nhân xã Á, huyện H báo cáo về vụ việc gây mất an ninh trật tự xảy ra trên địa bàn vào đêm ngày 19/01/2024 và đề nghị xử lý các đối tượng trên theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 62/24/KLGĐCT-PYBD ngày 05/4/2024, Trung tâm pháp y tỉnh B xác định tổn thương trên cơ thể, cơ chế gây thương tích và vật gây thương tích đối với Đặng Văn T3 như sau:

- Các kết quả chính:

Vết thương hở phức tạp vùng trán - đỉnh - thái dương - chẩm trái bờ sắc, đáy sạch, lộ xương và nhu mô não, dập xuất huyết não thái dương - đỉnh trái xuất huyết khoang dưới nhện trán - thái dương - đỉnh trái tụ khí nội sọ rải rác, vỡ xương thái dương - đỉnh - chẩm trái đã phẫu thuật.

Hiện: Để sẹo trán - đỉnh - thái dương - chẩm trái, đáy phập phồng. Tỉnh táo, không yếu liệt. Điện não đồ biến đổi nhẹ.

Chụp cắt lớp vi tính sọ não: Tổn thương nhu mô não đỉnh - thái dương trái D#(9X3X5)cm, co kéo giãn sừng sau não thất bên. Khuyết sọ bán cầu trái D#(11X1)cm.

Vết thương cẳng tay phải không tổn thương xương đã điều trị. Hiện để sẹo 1/3 trên cẳng tay phải; vận động tay phải trong giới hạn bình thường.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đặng Văn T3 tại thời điểm giám định là: 51%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Xác định cơ chế gây thương tích, vật gây thương tích: Thương tích được hình thành khả năng do vật sắc tác động với lực tác động lớn.

Tại Kết luận giám định số 467/KL-KTHS ngày 15/11/2024 của Phòng K - Công an tỉnh B đối với 01 đoạn file video ghi lại sự việc đánh nhau xảy ra vào tối ngày 19/01/2024 tại khu vực sân vận động Á2 thuộc thôn L, xã Á, huyện H; kết luận như sau:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video có tên “video ngày 19.01.2024”, định dạng “mp4”, thời lượng 03 phút 49 giây, dung lượng 8.93 MB được lưu trữ trong thẻ nhớ gửi giám định.

- Đã trích xuất 07 hình ảnh rõ nét nhất của người, phương tiện xe mô tô, hung khí mà các đối tượng sử dụng xuất hiện trong file video trên.

Tại Kết luận giám định ADN số 559/24/KLGĐADN-PYQG ngày 09/10/2024 của V1 kết luận như sau:

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên 02 cây dao gửi giám định: Âm tính.

- Không thu được dữ liệu ADN trên 02 cây dao gửi giám định nên không thể so sánh với ADN của Đặng Văn T3.

Vật chứng của vụ án:

- 01 đoạn cây gỗ, loại cây keo nguyên liệu giấy đã khô, chiều dài 99cm; một đầu vết cắt cũ, thiết diện tròn đường kính 04cm; một đầu còn lại bị gãy vát dấu mới, vết gãy vát dài 17cm.

- 01 đoạn cây gỗ, loại cây keo nguyên liệu giấy đã khô, chiều dài 73cm; một đầu vết cắt cũ, kích thước (2,5x3,5)cm; một đầu còn lại bị gãy vát dấu mới, vết gãy vát dài 17cm.

- 02 cây dao kiểu phảng phát bờ, chiều dài 115cm; phần cán bằng gỗ, chiều dài 77cm; phần lưỡi bằng kim loại, sắc bén, có mũi nhọn, chiều dài 38cm.

- 01 file video tên “video ngày 19.01.2024”, định dạng “mp4”, thời lượng 03 phút 49 giây, dung lượng 8, 93 MB, được lưu trữ trong 01 thẻ nhớ Micro SD - C02G TAIWAN màu đen, dung lượng 02 GB.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, gia đình bị hại Đặng Văn T3 yêu cầu các bị cáo N, Đ, T1, Đ1 bồi thường thiệt hại về điều trị thương tích, tiền công lao động và tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 274.154.584 đồng; cụ thể:

- Chi phí khám và điều trị: 16.700.000 đồng.

- Tiền thu nhập bị mất: 135.000.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần: 100.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Đ1 đã bồi thường cho T3 5.000.000 đồng (gia đình T3 nhận). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình các bị cáo N, Đ, T1 mỗi gia đình đã tạm nộp 10.000.000 đồng vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để khắc phục hậu quả thay cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo và gia đình các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3 đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau là N, Đ, T1, Đ1 sẽ bồi thường cho T3 số tiền 160.000.000 đồng (hai bên không tách bạch, liệt kê từng khoản bồi thường), trong đó Đ1 bồi thường 30.000.000 đồng và N, Đ, T1 chia đều số tiền bồi thường còn lại 130.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKSBD-P2 ngày 14/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Trịnh Long Nhật, Nguyễn Bá Đạt, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Văn Đ1 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo Đặng Văn T3, Trần Trọng N3 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3, N3 đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu; do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản cáo trạng nêu trên.

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 15, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều

102, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Long N từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 15, Điều 91, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ từ 04 đến 05 năm tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đại T7 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Văn T3 từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Trọng N3 từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo và gia đình các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3 đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường thiệt hại. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện nêu trên.

- Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 file video tên “video ngày 19.01.2024”, định dạng “mp4”, thời lượng 03 phút 49 giây, dung lượng 8, 93 MB, được lưu trữ trong 01 thẻ nhớ Micro SD - C02G TAIWAN màu đen, dung lượng 02 GB và đề nghị tịch thu, tiêu hủy các vật chứng còn lại của vụ án do không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3, N3 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T3 (đồng thời là bị hại) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo N, Đ, T1, Đ1.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của các bị cáo N, Đ và T1 thống nhất như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày lời bào chữa: Thống nhất như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N vì căn cứ quy định pháp luật thì bị cáo không thuộc trường hợp chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên; người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo N mức hình phạt thấp nhất.

Người bào chữa cho các bị cáo Đ, T1, Đ1 trình bày lời bào chữa: Thống nhất như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xử phạt các bị cáo mức

hình phạt như sau: Đ 04 năm tù, T1 từ 02 đến 03 năm tù và xử phạt Đ1 mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những người làm chứng là Diệp Anh T5, Trần Khánh H2, Lê Cảnh T6, Lê Thành D2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, những người làm chứng vắng mặt nêu trên trước đó đã có lời khai rõ ràng và việc vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Tối ngày 19/01/2024, giữa Trịnh Long N và Đặng Văn T3 xảy ra mâu thuẫn trong lúc nhắn tin, gọi điện qua lại trên mạng xã hội, dẫn đến hai bên thách thức và hẹn đánh nhau. N và T3 đã có hành vi rủ rê, lôi kéo đồng bọn, cùng nhau sử dụng nhiều loại hung khí nguy hiểm tham gia đánh nhau tại khu vực sân vận động Á2 thuộc thôn L, xã Á, huyện H. Nhóm của N bao gồm Trịnh Long N, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Văn Đ1 và nhóm của T3 bao gồm Đặng Văn T3, Trần Trọng N3. Khi đến chỗ hẹn, nhóm của N mang theo 02 cây phảng phát bờ và nhóm của T3 mang theo 01 thanh kiếm tự chế, 01 con dao Thái Lan. Tại khu vực sân vận động xã Á, các đối tượng đã có hành vi la hét, chửi bới, cầm hung khí rượt đuổi nhau trên đường gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Khi hai nhóm đang rượt đuổi đánh nhau, nhóm của N (bao gồm N, Đ, T1, Đ1) đã có hành vi sử dụng 02 cây phảng, thanh kiếm tự chế của T3 và cây gỗ lấy ven đường xông vào đánh, chém vào vùng đầu, lưng, bụng, chân của T3. Các bị cáo đều nhận thức rõ việc sử dụng các hung khí nguy hiểm nêu trên khi đánh nhau sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác nhưng vẫn quyết tâm thực hiện hành vi đến cùng, dẫn đến việc T3 bị thương ở vùng đầu, tay phải với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 51%. T3 không chết là ngoài ý thức của các bị cáo trong nhóm của N và do được đưa đi cấp cứu kịp thời. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt giữa N và T3 mà các bị cáo N, Đ, T1, Đ1 đã có hành vi dùng hung khí nguy

hiểm chém vào những vùng trọng yếu trên cơ thể của T3 (đầu và bụng); thể hiện sự hung hăng, côn đồ, coi thường tính mạng người khác nên hành vi của các bị cáo N, Đ, T1, Đ1 đã phạm vào tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Sau khi N và T3 hẹn xong địa điểm đánh nhau, T3 là người trực tiếp chuẩn bị 01 cây kiếm tự chế và 01 con dao Thái Lan để mang theo đánh nhau, T3 là người đưa cây kiếm tự chế cho N3 cầm để T3 điều khiển xe mô tô chở N3 đến địa điểm hẹn, đi đánh nhau với nhóm của N. Việc T3 và N3 sử dụng hung khí nguy hiểm đi đánh nhau với nhóm của N tại khu vực sân vận động A2 đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung “Dùng hung khí” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Trịnh Long N, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Văn Đ1 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo Đặng Văn T3, Trần Trọng N3 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3, N3 là nguy hiểm cho xã hội, đã sử dụng hung khí nguy hiểm, tập trung đông người đánh nhau tại nơi công cộng vào lúc đêm khuya, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn, gây bất an trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, an toàn xã hội tại địa phương. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo N, Đ, T1, Đ1 thể hiện bản chất côn đồ, hung hãn, xem thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người khác một cách trái pháp luật.

Do đó, cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Mặc dù trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia, cùng chuẩn bị hung khí (phẳng, kiếm tự chế, dao) để đi đánh nhau nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn vì các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc phân công vai trò cụ thể mà chỉ là sự thống nhất ý chí cùng thực hiện tội phạm. Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo:

[5.1] Trịnh Long N: Nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa N và T3. N đóng vai trò là người liên lạc hẹn địa điểm với T3 để đánh nhau, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê Đ, T1, Đ1 đi đánh nhau với nhóm của T3 và đồng thời là người bảo Đ đi chuẩn bị hung khí (02 cây phẳng phát bờ) để đánh nhau. Khi thấy nhóm của T3, N là người nói T1 chở N và Đ cầm phẳng xông lên đánh nhau với nhóm T3. Trong vụ án này, hành vi của N là tích cực nhất, bị cáo đã dùng cây phẳng chém T3 01-02 cái trúng lưng nhưng không gây thương tích do Tân mặc áo khoác dày; tiếp đó N tiếp tục dùng cây phẳng rượt đuổi chém N, vừa la hét, chửi bới và sau đó N cầm phẳng trực tiếp xông đến chém vào vùng đầu của T3, làm cho T3 ngã ngửa ra đường. Do đó, N đóng vai trò chính trong vụ án, vừa là người khởi xướng và người thực hành nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định.

[5.2] Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Văn Đ1: Các bị cáo đều có hành vi tham gia tích cực và cùng sử dụng hung khí nguy hiểm là phảng, kiếm, cây gỗ trực tiếp chém, đánh vào người T3 nên các bị cáo phạm tội với vai trò là người thực hành và phải chịu trách nhiệm chung đối với thương tích của T3. Tuy nhiên, so với T1, Đ1 thì Đ tham gia tích cực hơn vì bị cáo là người chuẩn bị 02 cây phảng cho cả nhóm của N để đi tìm đánh nhóm của T3 và đồng thời là người trực tiếp gây ra thương tích của T3 nên vai trò của Đ cao hơn T1 và Đ1.

[5.3] Đặng Văn T3: Nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa N và T3. T3 đóng vai trò là người khởi xướng, rủ rê N3 đi đánh nhau với nhóm của N. T3 là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chở N3 đi đến khu vực đã hẹn đánh nhau với nhóm N và đồng thời là người trực tiếp chuẩn bị các hung khí (01 cây kiếm tự chế và 01 con dao Thái Lan) để đánh nhau với nhóm N. Khi gặp được nhóm của N, T3 là người trực tiếp cầm 02 hung khí trên trực tiếp tham gia đánh nhau với nhóm của N, vừa la hét, chửi bới với nhóm của N.

[5.4] Trần Trọng N3: Bị cáo cũng có hành vi cầm kiếm đến hỗ trợ giúp cho T3 đánh chém nhóm của N nhưng khi thấy nhóm của N đông người, lại cầm phảng và bất ngờ xông đến rượt chém T3 nên N3 chưa kịp tham gia đánh nhau. Do đó, trong vụ án này, vai trò của N3 là người giúp sức cho T3 trong việc đánh nhau với nhóm của N nhưng có vai trò không đáng kể.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: N đã có hành vi rủ rê Đ (tại thời điểm phạm tội Đ 16 năm 07 tháng 09 ngày tuổi) là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3, N3 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Gia đình các bị cáo N, Đ, T1, Đ1 đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hoàn cảnh gia đình các bị cáo N, T1, Đ khó khăn; bị cáo T1 có bà nội là con Liệt sỹ; bị cáo Đ không có cha và mẹ bị cáo đi làm xa, bị cáo ở với bà ngoại nên bị cáo thiếu sự quan tâm, dạy dỗ của cha mẹ, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm lý của bị cáo; trong vụ án này, nhóm của T3 cũng có một phần lỗi và tại phiên tòa, bị cáo T3 (đồng thời là bị hại) cũng đã có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo N, Đ1, T1, Đ nên các bị cáo N, Đ1, T1, Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, T3 vừa là bị cáo mà đồng thời là bị hại, bị cáo bị thương tích ở vùng đầu, tay với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 51% và hiện vẫn đang

tiếp tục điều trị; bị cáo phạm tội lần đầu và nhóm bị cáo N cũng có một phần lỗi nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, Trần Trọng N3 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng làm rõ thêm hành vi phạm tội của các bị cáo khác, bị cáo phạm tội lần đầu và trong vụ án này bị cáo là người giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể, khi T3 bị nhóm của N đánh bị thương, bị cáo là người đưa T3 đi bệnh viện cấp cứu nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đủ điều kiện được áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Các bị cáo N, Đ, T1, Đ1 phạm tội “Giết người” ở giai đoạn phạm tội chưa đạt nên được áp dụng các Điều 15, 57 và 102 của Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, N chưa đủ 16 tuổi (15 năm 10 tháng 03 ngày tuổi); Đ và T1 chưa đủ 18 tuổi (Đ: 16 năm 07 tháng 09 ngày tuổi và T1: 17 năm 02 tháng 29 ngày tuổi) nên các bị cáo N, Đ và T1 được áp dụng Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo N, Đ và Đ1 có nhân thân xấu; nhiều lần bị xử lý vi phạm vi phạm hành chính hoặc xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng hung khí, bom xăng tự chế gây rối trật tự công cộng hoặc cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy cần phải cách ly các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3, N3 ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà, các bị cáo và gia đình các bị cáo N, Đ, T1, Đ1, T3 đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc N, Đ, T1, Đ1 bồi thường cho T3 số tiền 160.000.000 đồng (hai bên không tách bạch, liệt kê từng khoản bồi thường), trong đó Đ1 bồi thường 30.000.000 đồng và N, Đ, T1 chia đều số tiền bồi thường còn lại 130.000.000 đồng.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nói trên.

Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo N, Đ, T1, Đ1 về việc bồi thường thiệt hại cho bị cáo T3 số tiền 160.000.000 đồng; chia phần như sau:

- Mỗi bị cáo N, Đ và T1 bồi thường cho T3 số tiền 43.334.000 đồng (đã làm tròn số); mỗi gia đình các bị cáo N, Đ và T1 đã bồi thường cho T3 10.000.000 đồng nên mỗi bị cáo N, Đ và T1 còn phải bồi thường cho T3 33.334.000 đồng (đã làm tròn số).

- Bị cáo Đ1 bồi thường 30.000.000 đồng, gia đình bị cáo Đ1 đã bồi thường cho T3 5.000.000 đồng nên bị cáo Đ1 còn phải bồi thường cho T3 25.000.000 đồng.

Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo N, Đ và T1 đã đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự nếu các bị cáo không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ các bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho T3.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ các vật chứng sau do không còn giá trị sử dụng:

- 01 đoạn cây gỗ, loại cây keo nguyên liệu giấy đã khô, chiều dài 99cm; một đầu vết cắt cũ, thiết diện tròn đường kính 04cm; một đầu còn lại bị gãy vát đầu mới, vết gãy vát dài 17cm.

- 01 đoạn cây gỗ, loại cây keo nguyên liệu giấy đã khô, chiều dài 73cm; một đầu vết cắt cũ, kích thước (2,5x3,5)cm; một đầu còn lại bị gãy vát đầu mới, vết gãy vát dài 17cm.

- 02 cây dao kiểu phẳng phát bờ, chiều dài 115cm; phần cán bằng gỗ, phần lưỡi bằng kim loại; ký hiệu lần lượt là V559D1_24, V559D2_24.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh B với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định).

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9.1] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N chưa đủ 16 tuổi (15 năm 10 tháng 03 ngày tuổi), thuộc trường hợp là trẻ em nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[9.2] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đ, T1, Đ1, T3 và N3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[9.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị cáo Đ, T1 mỗi bị cáo phải chịu $33.334.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.667.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

- Bị cáo Đ1 phải chịu $25.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.250.000 \text{ đồng}$.

[10] Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Nguyễn Xuân T1 đã nộp theo Biên lai số 0001782 ngày 21/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Nguyễn Bá Đ đã nộp theo Biên lai số 0001786 ngày 25/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Trịnh Long N đã nộp theo Biên lai số 0001785 ngày 24/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

[11] Các vấn đề khác:

- Đối với Võ Trần L: Vào tối ngày 19/01/2024, L được N gọi điện nhờ đến sân vận động Â2 để gặp T3 nói chuyện giảng hòa giúp N thì L đồng ý. Tại hiện trường xảy ra đánh nhau, L đã can ngăn không cho nhóm N chém T3 và khi T3 bị nhóm N chém bị thương nằm ngã ra đường thì L là người gọi Diệp Anh T5 và Trần Trọng N3 đến đưa T3 đi cấp cứu. Do đó, L không đồng phạm với nhóm Trịnh Long N về tội “Giết người”.

- Đối với Diệp Anh T5: Vào tối ngày 19/01/2024, trong lúc ngồi nhậu tại quán nhậu “Yến Nhi” thì thấy T3 điều khiển xe mô tô SH đi chuẩn bị 01 cây kiếm tự chế để đánh nhau với N, T5 đã can ngăn nhưng T3 không nghe. Khi thấy T3 điều khiển xe mô tô chở N3 đến sân vận động Â2 để đánh nhau với N thì T5 điều khiển xe ô tô chạy theo sau và khi đến nơi T5 đã can ngăn nhóm N chém T3. Hơn nữa, khi thấy T3 bị nhóm của N chém bị thương nằm ngã ra đường thì T5 là người điều khiển xe ô tô đưa T3 đi cấp cứu, nên T5 không đồng phạm với nhóm của Đặng Văn T3 về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58; Điều 90; Điều 91; khoản 2 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Long N.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Bá Đ và Nguyễn Xuân T1.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Văn T3.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Trọng N3.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ quy định tại các Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Long N, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Văn Đ1 phạm tội “Giết người” và các bị cáo Đặng Văn T3, Trần Trọng N3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Xử phạt bị cáo Trịnh Long N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2024.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2024.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2024.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2024.

6. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T3 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2024.

7. Xử phạt bị cáo Trần Trọng N3 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2024.

8. Về trách nhiệm dân sự:

8.1. Bị cáo Trịnh Long N có nghĩa vụ bồi thường cho Đặng Văn T3 số tiền 43.334.000 đồng (đã làm tròn số). Gia đình bị cáo N đã bồi thường cho T3 10.000.000 đồng nên N còn phải bồi thường cho T3 số tiền 33.334.000 đồng (đã làm tròn số). Trong trường hợp N không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ bị cáo là ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

8.2. Bị cáo Nguyễn Bá Đ có nghĩa vụ bồi thường cho Đặng Văn T3 số tiền 43.334.000 đồng (đã làm tròn số). Gia đình bị cáo Đ đã bồi thường cho T3 10.000.000 đồng nên Đ còn phải bồi thường cho T3 số tiền 33.334.000 đồng (đã làm tròn số). Trong trường hợp Đ không đủ tài sản để bồi thường thì mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

8.3. Bị cáo Nguyễn Xuân T1 có nghĩa vụ bồi thường cho Đặng Văn T3 số tiền 43.334.000 đồng (đã làm tròn số). Gia đình bị cáo T1 đã bồi thường cho T3 10.000.000 đồng nên T1 còn phải bồi thường cho T3 số tiền 33.334.000 đồng (đã làm tròn số). Trong trường hợp Thành không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ bị cáo là ông Nguyễn Xuân T2 và bà Nguyễn Ngọc Kim N1 có nghĩa vụ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

8.4. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 có nghĩa vụ bồi thường cho Đặng Văn T3 số tiền 30.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Đ1 đã bồi thường cho T3 5.000.000 đồng nên Đ1 còn phải bồi thường cho T3 số tiền 25.000.000 đồng.

9. Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn cây gỗ, loại cây keo nguyên liệu giấy đã khô, chiều dài 99cm; một đầu vết cắt cũ, thiết diện tròn đường kính 04cm; một đầu còn lại bị gãy vát đầu mới, vết gãy vát dài 17cm.

- 01 (một) đoạn cây gỗ, loại cây keo nguyên liệu giấy đã khô, chiều dài 73cm; một đầu vết cắt cũ, kích thước (2,5x3,5)cm; một đầu còn lại bị gãy vát đầu mới, vết gãy vát dài 17cm.

- 02 (hai) cây dao kiểu phảng phát bờ, chiều dài 115cm; phần cán bằng gỗ, phần lưỡi bằng kim loại; ký hiệu lần lượt là V559D1_24, V559D2_24.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh B với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định).

10. Về án phí:

10.1. Bị cáo Trịnh Long N được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

10.2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Văn Đ1, Đặng Văn T3 và Trần Trọng N3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

10.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Bá Đ và Nguyễn Xuân T1 mỗi bị cáo phải chịu 1.667.000 đồng (đã làm tròn số).

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phải chịu 1.250.000 đồng.

11. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Nguyễn Xuân T1 đã nộp theo Biên lai số 0001782 ngày 21/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Nguyễn Bá Đ đã nộp theo Biên lai số 0001786 ngày 25/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Trịnh Long N đã nộp theo Biên lai số 0001785 ngày 24/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

12. Về nghĩa vụ thi hành án:

12.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

12.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

13. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự trong vụ án (ngoại trừ người làm chứng) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Phòng TT, KT và THA TAND tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Gia đình.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thanh